

Thái Bình, ngày 19 tháng 5 năm 2023

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**  
**CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

**thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

-----

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH**

Trong quá trình hơn 35 năm đổi mới và phát triển, tỉnh Thái Bình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá với xuất phát điểm là tỉnh thuần nông, sản xuất nhỏ, lạc hậu. Song, với nỗ lực và quyết tâm cao độ, tỉnh đã thực hiện thành công nhiều chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đưa nền kinh tế từng bước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu và hiện nay đang hướng tới mục tiêu trở thành tỉnh phát triển trong khu vực đồng bằng Sông Hồng. Đặc biệt, giai đoạn từ năm 1991 đến năm 2000, tỉnh triển khai có hiệu quả Chương trình “điện, đường, trường, trạm”, tạo tiền đề quan trọng để tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và Chương trình xây dựng nông thôn mới. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 100% xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 25 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Bên cạnh đó, từ năm 2000, tỉnh đã quy hoạch và xây dựng được một số khu, cụm công nghiệp; đẩy mạnh phát triển nghề và làng nghề; tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hình thành một số vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa và phát triển kinh tế biển.

Giai đoạn 2011 - 2022, tỉnh tập trung đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu; vừa mở rộng quy mô, vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm được duy trì ở mức khá, chất lượng tăng trưởng ngày càng được cải thiện. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giai đoạn 2011 - 2015 tăng trưởng bình quân 6,7%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 8,7%/năm. Quy mô GRDP năm 2020 đạt 53.539 tỷ đồng, gấp hơn 1,5 lần năm 2015 (giá so sánh 2010). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Từ năm 2015 đến năm 2020, tỷ trọng khối ngành công nghiệp - xây dựng trong GRDP đã tăng thêm hơn 12%, từ khoảng 27% lên gần 40%; tỷ trọng khối ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm 9%, từ 32% xuống còn 23%. Một số khu, cụm công nghiệp quy mô lớn được hình thành và phát triển. Khu kinh tế Thái Bình được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành

lập từ năm 2017 với tổng diện tích 30.583 ha, trong đó diện tích đất công nghiệp được quy hoạch trên 8.000 ha, đã thu hút được nhiều tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước đến nghiên cứu, đầu tư; đặc biệt là Khu công nghiệp Liên Hà Thái phân khu Bắc đã xây dựng xong hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, đã thu hút được một số dự án có tỷ suất đầu tư lớn, công nghệ hiện đại được triển khai và đi vào hoạt động. Cùng với phát triển kinh tế, các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, văn hoá, xã hội, con người luôn được quan tâm. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân ngày càng được cải thiện.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh còn một số hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; đáng chú ý là: Tăng trưởng kinh tế chủ yếu vẫn dựa vào yếu tố vốn đầu tư, chậm phát triển theo chiều sâu dựa trên năng suất các yếu tố tổng hợp. Tỷ trọng các ngành trong cơ cấu kinh tế còn khoảng cách lớn để đạt mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chưa phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, mũi nhọn làm động lực thúc đẩy. Quá trình công nghiệp hóa chưa gắn chặt với hiện đại hóa, chưa tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu. Phát triển công nghiệp phần lớn vẫn là gia công, lắp ráp và phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu nguyên phụ liệu; giá trị sản phẩm, nhất là hàng hoá xuất khẩu chủ yếu vẫn dựa vào lợi thế về giá nhân công, hàm lượng giá trị gia tăng thấp; năng suất lao động đa số các ngành vẫn ở mức thấp và chậm được cải thiện. Sự hợp tác, liên kết của các ngành công nghiệp trong phát triển nông nghiệp, nông thôn còn yếu. Công nghiệp chế biến, hỗ trợ và thương mại, dịch vụ phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng; chưa có chợ đầu mối, trung tâm logistics quy mô lớn. Hệ thống hạ tầng công nghiệp, thương mại, giao thông, văn hóa, thể thao, du lịch ... chưa đáp ứng nhu cầu phát triển. Nhiều cụm công nghiệp thiếu hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung. Đô thị hóa chưa gắn kết đồng bộ với công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp. Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh còn ở mức thấp so với các tỉnh đồng bằng Sông Hồng.

*Những hạn chế, tồn tại nêu trên có những nguyên nhân khách quan, song chủ yếu vẫn là các nguyên nhân chủ quan, đáng chú ý là:* Một số ngành, địa phương chưa thực hiện tốt việc quán triệt, cụ thể hoá các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương của tỉnh về công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong giai đoạn đầu triển khai thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các cấp, các ngành chậm đổi mới tư duy, còn dằn dãi, hình thức và nặng tính chủ quan, duy ý chí, chưa linh hoạt, sáng tạo trong việc đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện của địa phương; chưa định hình được trọng tâm phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn để tạo sự phát triển bứt phá và bền vững. Công tác chỉ đạo điều hành và ý thức chấp hành, sự phối hợp của một số ngành, địa phương, đơn vị chưa tốt; chưa quyết tâm, quyết liệt trong tổ chức thực hiện. Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở một số địa phương, đơn vị chưa đồng bộ, chưa gắn với mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh. Năng lực của một số cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế. Tình trạng dùn dẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm, thiếu tinh thần hợp tác trong thi hành công vụ chậm được khắc phục.

## II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa toàn diện các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội và con người để xây dựng Thái Bình đến năm 2030 theo kịp nhóm dẫn đầu và đến năm 2045 là tỉnh phát triển trong khu vực đồng bằng Sông Hồng; đời sống của Nhân dân được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng, an ninh vững mạnh. Công nghiệp phát triển, chủ đạo là các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, dược - sinh học và công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, điện khí và điện gió với công nghệ hiện đại và giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường. Các ngành dịch vụ phát triển đồng bộ dựa trên nền tảng công nghệ số với chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh cao, hình thành một số ngành dịch vụ, du lịch đẳng cấp quốc tế. Nông nghiệp phát triển bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng công nghệ cao. Một số mô hình kinh tế tuần hoàn được triển khai hiệu quả với năng lực sản xuất mới, tính tự chủ và thích ứng cao. Giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, xã hội số trở thành nhân tố quan trọng nâng cao chất lượng tăng trưởng. Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được đầu tư đồng bộ; đô thị và nông thôn mới phát triển văn minh, hiện đại, có bản sắc. Khu kinh tế Thái Bình trở thành trọng điểm, động lực phát triển kinh tế của tỉnh Thái Bình và vùng đồng bằng Sông Hồng.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

(1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt 13,4%/năm. Đến năm 2030, quy mô nền kinh tế (GRDP giá thực tế) gấp khoảng 4,3 lần so với năm 2020.

(2) Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt 11,4%. Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt 50%.

(3) GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 tương đương với bình quân chung của cả nước. Thu nhập bình quân đầu người đạt 130 triệu đồng trở lên (giai đoạn 2021 - 2030 tăng bình quân 9,6%/năm).

(4) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm còn dưới 20%.

(5) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%

(6) Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%.

(7) Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ trong GRDP (không tính thuế sản phẩm) đạt 85% trở lên; trong đó: Tỷ trọng công nghiệp đạt 50% GRDP; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 40% GRDP; giá trị gia tăng công nghiệp chế tạo, chế biến bình quân đầu người đạt 3.200 USD; tỷ trọng của khu vực dịch vụ đạt 25% GRDP.

(8) Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt khoảng 30%. Cơ bản hoàn thành xây dựng chính quyền số.

(9) Tỷ lệ đô thị hoá đạt 40% trở lên.

(10) Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

(11) Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

(12) Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 80 - 90% trở lên.

### **1.3. Tầm nhìn đến năm 2045**

Thái Bình trở thành tỉnh phát triển, có kinh tế thịnh vượng, xã hội văn minh, sinh thái bền vững, hài hoà trong sự phát triển của vùng đồng bằng Sông Hồng; tăng trưởng kinh tế dựa chủ yếu vào các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ ứng dụng khoa học công nghệ cao và đổi mới sáng tạo. Người dân có đời sống hạnh phúc, sung túc với thu nhập cao. Quốc phòng, an ninh vững chắc. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển đồng bộ, hiện đại; hệ thống đô thị, nông thôn mới văn minh liên kết thành mạng lưới, thông minh, xanh, bền vững. Dịch vụ xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế phát triển hiện đại; trở thành trung tâm dược và dịch vụ y tế vùng; du lịch nghỉ dưỡng sinh thái chất lượng cao, đẳng cấp quốc tế. Khu kinh tế Thái Bình trở thành trung tâm, động lực phát triển kinh tế của vùng với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn thiện, hiện đại, hỗ trợ hiệu quả cho các ngành sản xuất, dịch vụ, du lịch và đóng vai trò quan trọng trong các cụm liên kết ngành.

Quy mô nền kinh tế (GRDP theo giá thực tế) năm 2045 tăng gấp 6 lần so với năm 2025; tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và thương mại dịch vụ trong GRDP (không tính thuế sản phẩm) đạt khoảng 90%; GRDP bình quân đầu người cao gấp 1,2 lần so với mức bình quân chung của cả nước.

## **2. Nhiệm vụ, giải pháp**

### **2.1. Đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa**

Thực hiện đồng bộ, đa dạng các hình thức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 29-NQ/TW, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và chuyển biến mạnh mẽ trong hành động của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh về ý nghĩa quan trọng, sự cần thiết, tính cấp bách phải đổi mới tư duy, cách làm để tạo bứt phá trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cụ thể hoá và vận dụng linh hoạt các quan điểm, chủ trương của Đảng để triển khai thực hiện trong từng nhiệm vụ, giải pháp của địa phương, cơ quan, đơn vị phù hợp với thực tế; trong đó, phải gắn kết chặt chẽ các mục tiêu, nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách, chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh bảo đảm phù hợp với hệ thống quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng, quy hoạch tổng thể quốc gia và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan.

Quán triệt sâu sắc nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2021 - 2030 là: Ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là chuyển đổi số; từ đó đổi mới mạnh mẽ tư duy, hành động sáng tạo, quyết liệt với những việc làm cụ thể, phù hợp với thực tế, phát huy tiềm năng, lợi thế để tạo bứt

phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và tính bền vững trên tất cả các ngành, lĩnh vực kinh tế. Tăng cường các hoạt động thông tin, truyền thông, đào tạo trực tuyến, phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho người dân trên nền tảng số, tạo sự thay đổi về tư duy, nhận thức và hình thành văn hóa số. Nâng cao năng lực tự chủ về sản xuất, công nghệ và thị trường, bảo vệ và phát huy tốt thị trường trong và ngoài tỉnh. Tập trung chuyển dịch cơ cấu các ngành công nghiệp sang các ngành có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; chuyển đổi các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên, năng lượng sang các ngành công nghiệp xanh, phát thải các bon thấp. Cơ cấu lại các ngành nông nghiệp và dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số; phát triển các loại dịch vụ mới có tính liên ngành và giá trị gia tăng cao; đẩy nhanh dịch vụ hoá các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Giai đoạn 2031 - 2045, tập trung nâng cao chất lượng công nghiệp hoá và đẩy mạnh hiện đại hoá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế và đời sống xã hội.

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành về vai trò và nội dung của các chính sách phát triển kinh tế - xã hội để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên các lĩnh vực kinh tế và đời sống xã hội. Đảm bảo sự phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết. Thực hiện phân công, phân cấp triệt để trong quản lý nhà nước về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ theo nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính. Nâng cao năng lực dự báo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả công nghiệp hoá, hiện đại hoá chung của tỉnh và từng địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ và chính quyền các ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện.

## ***2.2. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hóa***

- Rà soát toàn diện các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kịp thời phát hiện những quy định không còn phù hợp, hoặc chồng chéo, bất cập để điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành cơ chế, chính sách mới nhằm giải phóng và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế, khuyến khích nhân tố tích cực, đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo sự phát triển bứt phá nhanh và bền vững. Trong đó, nghiên cứu ban hành chính sách thí điểm, đặc thù cho các hoạt động phát triển, thử nghiệm, áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ số và nền tảng số; các chính sách về đặt hàng, giao nhiệm vụ sản xuất, mua sắm công theo hướng ưu tiên sử dụng hàng hóa trong nước, nâng cao giá trị gia tăng và tỷ lệ nội địa hóa.

- Tập trung triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; kịp thời ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy phát triển các lĩnh vực kinh tế số, xã hội số, chính quyền số; trong đó, tập trung nghiên cứu, hoàn

thiện các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển trên tất cả các ngành, lĩnh vực theo Quy hoạch.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu tiên phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, thông minh, gắn với phát triển các hành lang kinh tế theo định hướng phát triển; đầu tư hoàn thiện mạng lưới hạ tầng giao thông của tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng - an ninh của tỉnh và khu vực.

- Đổi mới, hoàn thiện các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư đảm bảo đồng bộ, hấp dẫn và tính cạnh tranh cao, ưu tiên thu hút các dự án lớn, công nghệ cao, công nghệ tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng, sử dụng nhiên liệu xanh, sạch, giảm phát thải khí nhà kính; trong đó tạo điều kiện thuận lợi và ưu đãi tối đa về thuế, tài chính, tín dụng, đất đai... để phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, mũi nhọn với tiêu chí phù hợp cho từng giai đoạn theo định hướng quốc gia và thực tế của tỉnh; phát triển vùng nguyên liệu, công nghệ dược - sinh học, dịch vụ tiêu dùng hàng hoá xanh, bền vững.

- Khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với chính sách của Nhà nước và thực tế địa phương; tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp trích lập, sử dụng hiệu quả quỹ đầu tư cho khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, ưu tiên cho các ngành công nghiệp nền tảng, mũi nhọn thông qua tăng cường chính sách đặt hàng đào tạo và thực hiện hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước đối với cơ sở đào tạo và người học.

- Xây dựng hoàn thiện chính sách phát triển nguồn nhân lực và thu hút đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn và các lĩnh vực thương mại điện tử, dịch vụ y tế, giáo dục, logistics, du lịch và các dịch vụ mới của nền kinh tế số.

- Hoàn thành kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 bảo đảm phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia.

### ***2.3. Xây dựng nền công nghiệp vững mạnh, tự lực, tự cường; nâng cao năng lực ngành xây dựng***

- Đẩy nhanh tiến trình cơ cấu lại các ngành công nghiệp, trong đó tập trung phát triển các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; từng bước tạo ra những sản phẩm có thương hiệu, lợi thế cạnh tranh, giá trị gia tăng lớn. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao; ưu tiên thu hút đầu tư phát triển các ngành sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao gắn với công nghệ hiện đại, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp xanh, sạch, kết nối chuỗi giá trị toàn cầu, đặc biệt là các dự án sử dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, đóng góp ngân sách lớn, đảm bảo quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội. Chú trọng phát triển các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có cơ cấu tổ chức thông minh, nhà máy thông minh; hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số, cung cấp

sản phẩm dịch vụ trên các nền tảng số, thương mại điện tử, ứng dụng sản xuất thông minh.

Thực hiện hiệu quả Đề án phát triển ngành Công Thương Thái Bình giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hoàn thành và triển khai thực hiện Phương án xử lý đối với các cụm công nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý; Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023 - 2030...

- Tập trung xây dựng, phát triển Khu kinh tế Thái Bình toàn diện về công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, đô thị và kinh tế biển, trở thành trọng điểm, động lực phát triển kinh tế của tỉnh và vùng đồng bằng Sông Hồng. Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch chi tiết và triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng các khu chức năng để đẩy mạnh thu hút đầu tư, nhất là các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn... Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển Khu kinh tế Thái Bình giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu kinh tế giai đoạn đến năm 2030. Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, đổi mới cải cách các thủ tục, tạo thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn lớn vào đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh tại Khu kinh tế Thái Bình.

- Ưu tiên nguồn lực và cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển các ngành công nghiệp nền tảng: Luyện kim (ưu tiên phát triển thép hợp kim, thép đặc chủng phục vụ công nghiệp chế tạo máy thế hệ mới, nhất là cho quốc phòng, an ninh); cơ khí chế tạo (ưu tiên phát triển cơ khí chế tạo cho sản xuất máy nông nghiệp, ô tô, tàu biển, thiết bị công trình, thiết bị năng lượng, thiết bị điện, thiết bị y tế); hóa chất (ưu tiên phát triển các loại hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa dược, phân bón); công nghiệp năng lượng (ưu tiên phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, năng lượng mới); vật liệu (ưu tiên phát triển vật liệu mới); công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chip bán dẫn).

Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất thiết bị năng lượng sạch, tái tạo, hệ thống pin lưu trữ, công nghệ và sản phẩm tiết kiệm năng lượng, đào tạo, chuyển giao công nghệ.

- Xây dựng và triển khai chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2030, chú trọng đáp ứng các quy tắc về nguồn gốc xuất xứ trong các hiệp định thương mại tự do, tập trung vào các lĩnh vực: Điện tử thông minh, ô tô, dệt may, da giày, cơ khí và tự động hóa, nông nghiệp và công nghệ sinh học, công nghệ cao; có cơ chế khuyến khích và thúc đẩy các doanh nghiệp FDI chuyển giao công nghệ; quy hoạch và có cơ chế, chính sách đột phá, khuyến khích phát triển các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ tập trung.

- Hình thành hệ thống khu công nghiệp hiện đại quy mô lớn theo hướng sinh thái đi đôi với phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, tạo điều kiện cho phát triển công nghiệp tại khu vực nông thôn. Triển khai xây

dựng Khu công nghiệp Dược - Sinh học, phấn đấu phát triển để tỉnh trở thành một trong những trung tâm công nghiệp dược hiện đại của cả nước.

- Xây dựng chiến lược và chính sách nâng cao năng lực ngành xây dựng. Khuyến khích phát triển một số tập đoàn xây dựng quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có khả năng cạnh tranh quốc tế. Cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng theo hướng tiết kiệm tài nguyên, thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu trong nước và hướng tới xuất khẩu; hạn chế, tiến tới dừng các hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng sử dụng không hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường, ưu tiên phát triển vật liệu xanh, vật liệu mới thân thiện với môi trường.

#### ***2.4. Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo***

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 04/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, coi trọng xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động trong các ngành công nghiệp và dịch vụ, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị và phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản; tập trung tích tụ ruộng đất để hình thành, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa lớn gắn với công nghiệp chế biến và thị trường, thúc đẩy cơ giới hóa toàn diện, đồng bộ, hiện đại hóa và tham gia sâu chuỗi giá trị gia tăng.

Xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại gắn với đô thị hoá; trong đó, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, hạ tầng kết nối nông thôn với đô thị, nhất là hạ tầng thủy lợi, giao thông vận tải, hạ tầng thương mại, kho bãi, bảo quản, chế biến nông sản; đẩy nhanh xây dựng hạ tầng số và dữ liệu số nông nghiệp, nông thôn; nâng cấp, hiện đại hóa và phát triển sàn giao dịch cho các nông sản chủ lực.

Hình thành các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại một số vùng sản xuất nông nghiệp tập trung. Khuyến khích phát triển công nghiệp cơ khí, hóa chất và công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản.

Tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo. Khuyến khích nông dân thực hiện thương mại điện tử, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nhất là các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP.



Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả nông nghiệp, nông thôn; ưu tiên bố trí nguồn lực và có cơ chế, chính sách đặc thù để xã hội hóa, thực hiện có hiệu quả chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025.

Thúc đẩy dịch vụ hóa các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; tiếp tục cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển dịch vụ công nghệ cao, các loại dịch vụ mới của nền kinh tế số.

Tập trung phát triển mạnh một số ngành dịch vụ có lợi thế và có hàm lượng tri thức, công nghệ cao như: Du lịch, thương mại, viễn thông, công nghệ thông tin, logistics, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ tư vấn pháp lý... Xây dựng hệ sinh thái đồng bộ, hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, y tế và chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa, thể thao, dịch vụ thương mại...

Hình thành một số trung tâm dịch vụ du lịch, y tế, giáo dục, tài chính, logistics tầm cỡ khu vực và quốc tế.

### ***2.5. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá***

- Nâng cao chất lượng nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ hiệu quả cho sản xuất và đời sống nhân dân; chú trọng chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển kinh tế - xã hội. Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tập trung nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, góp phần tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, tạo giá trị gia tăng. Xây dựng, phát triển một số khu công nghệ cao, tập trung vào các lĩnh vực tự động hóa, công nghệ sinh học. Tăng cường đầu tư phát triển khoa học công nghệ theo cơ chế thị trường trên cơ sở huy động hợp lý nguồn lực nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân... Thực hiện hiệu quả Đề án phát triển khoa học và công nghệ tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Dự án xây dựng Khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao tỉnh Thái Bình. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các hoạt động phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Hoàn thiện nền tảng, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số; mở rộng và nâng cao chất lượng Cổng dịch vụ công trực tuyến; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh trên nhiều phương tiện truy cập, bao gồm các thiết bị di động... Thực hiện hiệu quả Đề án chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách để thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển về công nghệ số.

- Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và xây dựng xã hội học tập. Thực hiện tốt việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông; củng cố, phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Định hướng, hỗ trợ dịch chuyển lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp; xây

dựng nguồn nhân lực có ý thức tổ chức kỷ luật, tay nghề cao, có năng lực tiếp thu, áp dụng công nghệ mới, lao động năng suất cao, chất lượng, hiệu quả.

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030; Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025; Kế hoạch thực hiện chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động tỉnh Thái Bình đến năm 2030... Nghiên cứu xây dựng và triển khai Đề án nâng cao năng lực, chất lượng ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án xã hội hóa giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

**2.6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hoá nhanh và bền vững, gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá**

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 93-KH/TU, ngày 12/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông kết nối, hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị - dịch vụ. Thực hiện rà soát, điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Triển khai thực hiện Đề án phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình trọng điểm của tỉnh như: Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thái Bình, các tuyến đường trục kết nối trong Khu kinh tế, đường từ thành phố Thái Bình đi Cầu Ngàn, đường vành đai phía Nam thành phố Thái Bình,... và một số tuyến đường liên huyện, liên vùng. Hoàn thiện các thủ tục để triển khai đầu tư một số công trình như: Tuyến đường từ thành phố Thái Bình đi Cồn Vành, tuyến cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng (CT08)... tạo động lực thu hút đầu tư vào tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác phát triển kinh tế vùng với các tỉnh, thành phố lân cận và trong cả nước; nghiên cứu và triển khai xây dựng một số công trình giao thông kết nối nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế giữa các địa phương trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bằng Sông Hồng. Phát triển mạnh hạ tầng số, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số. Xây dựng quy hoạch chi tiết và triển khai đầu tư cảng biển Thái Bình và các công trình phụ trợ đủ năng lực tiếp nhận tàu biển có tải trọng lớn. Quan tâm đầu tư hạ tầng dịch vụ - thương mại, logistics, du lịch, y tế, giáo dục văn hóa, xây dựng nền tảng vững chắc nhằm phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ cao, bền vững.

- Tổ chức quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị, vùng đô thị, nhất là quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khu công cộng, quy hoạch quản lý sử dụng không gian nội, không gian ngầm và hệ thống công trình ngầm đô thị phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch bảo đảm quốc phòng, an ninh. Công tác lập và rà soát, điều chỉnh quy hoạch, xây dựng, phát triển đô thị phải gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ lập quy hoạch và quản lý, bảo vệ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Tập trung huy động, đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư để đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng xây dựng đô thị trên địa bàn tỉnh. rà soát và hoàn thiện các chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, nhà ở bảo đảm phù hợp với định hướng của Trung ương và thực tiễn của tỉnh; tập trung tháo gỡ vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án phát triển đô thị, nhà ở, góp phần nâng cao tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh; nâng cao chất lượng lập, thẩm định các đề án quy hoạch và quản lý chất lượng công trình. Tập trung xây dựng thành phố Thái Bình theo tiêu chí đô thị loại I, Khu đô thị Trà Giang trở thành đô thị vệ tinh hỗ trợ hiệu quả cho đô thị thành phố Thái Bình và các đô thị phục vụ Khu kinh tế, phát triển kinh tế biển.

Hoàn thành Chương trình phát triển đô thị và Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021 - 2030 (sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt).

### ***2.7. Phát triển các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá***

- Thực hiện đồng bộ, quyết liệt chủ trương của Đảng về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, phát triển doanh nghiệp tư nhân, thu hút ODA. Xây dựng và triển khai định hướng phát triển một số doanh nghiệp có quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có năng lực cạnh tranh, đóng vai trò dẫn dắt, trụ cột trong một số lĩnh vực quan trọng của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá như năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, viễn thông, kết cấu hạ tầng...

- Đẩy mạnh thu hút FDI; coi trọng chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên các dự án đầu tư có công nghệ cao, bảo đảm tiêu chuẩn về môi trường, thu hút lao động có kỹ năng của các công ty đa quốc gia lớn gắn với yêu cầu phải chuyển giao tri thức, công nghệ và quản trị; nâng cao tỉ lệ nội địa hoá.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, nòng cốt là các hợp tác xã; ưu tiên phát triển các tổ chức kinh tế tập thể gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Thực hiện hiệu quả Đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã kiểu mới tỉnh Thái Bình giai đoạn đến năm 2030.

### ***2.8. Đổi mới chính sách tài chính, tín dụng thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhanh, bền vững***

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực tài chính theo nguyên tắc thị trường; tiếp tục đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực trong xã hội cho đầu tư phát triển, chú trọng đến quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, góp phần phát huy lợi thế cạnh tranh của tỉnh, ngành và sản phẩm.

- Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách thu từ đất, mở rộng việc giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá, đấu thầu, sử dụng đất có hiệu quả; Đẩy mạnh sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước phù hợp với quy hoạch sử dụng đất để tạo nguồn tài chính đầu tư cơ sở hạ tầng. Chính sách thu hút vốn đầu tư vào khu vực công nghiệp chế biến, lĩnh vực công nghệ cao, lĩnh vực có khả

năng tạo giá trị gia tăng cao cho nền kinh tế, phát triển mạnh tài chính xanh, tín dụng xanh.

- Đổi mới cơ cấu chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng cường đầu tư cho con người. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng đảm bảo nguồn lực để chủ động thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Tăng quyền hạn và trách nhiệm trong công tác quản lý ngân sách ở các cấp, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước cùng với việc tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Đảm bảo việc phân bổ nguồn lực hàng năm định hướng vào các mục tiêu kinh tế - xã hội trong trung và dài hạn, trong đó có các mục tiêu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tiếp tục thực hiện nhất quán cơ chế quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước gắn với việc thực hiện công khai, minh bạch giá, tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm công ích; thúc đẩy thanh toán điện tử trong các giao dịch.

- Thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách để tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, chú trọng nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát và xử lý nợ xấu; hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và hỗ trợ thực hiện chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội; thực hiện các chính sách ưu đãi về tài chính, tín dụng đủ mạnh để thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

- Lồng ghép quá trình sản xuất với bảo tồn tài nguyên và nâng cao chất lượng môi trường, nghiên cứu triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển tín dụng xanh kết hợp tăng cường nguồn vốn huy động xanh trên thị trường; tích hợp và triển khai nội dung quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong quy trình thẩm định tín dụng xanh; tận dụng các thành tựu khoa học Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để xanh hóa hoạt động ngân hàng, xây dựng các sản phẩm tín dụng, dịch vụ ngân hàng cho các lĩnh vực xanh.

- Tăng quy mô tín dụng trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo, đưa tăng trưởng xanh thành một trong những mục tiêu trọng tâm đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

***2.9. Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả đi đôi với bảo vệ và phát triển thị trường***

- Tập trung thực hiện mục tiêu phát triển bền vững; thực hiện tăng trưởng xanh, các mô hình kinh tế tuần hoàn. Tăng cường công tác quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên đất đai. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch tài nguyên nước, khoáng sản. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về tài nguyên, môi trường nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành về bảo vệ môi trường và khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên. Tập trung xử lý vấn đề môi trường, nhất là tình trạng ô nhiễm không khí, nguồn nước; chú trọng bảo vệ môi trường nông thôn, trọng điểm là các làng nghề, khu chăn nuôi tập trung. Phối hợp chặt chẽ với các địa phương lân cận để đề ra các giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường

nước thuộc hệ thống sông Hồng. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường; chú trọng thanh tra, kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp tại khu, cụm công nghiệp và hoạt động khai thác khoáng sản... Nâng cao năng lực, chất lượng dự báo, cảnh báo khí tượng thuỷ văn, năng lực tìm kiếm cứu nạn; xây dựng và triển khai các chương trình kế hoạch bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Thực hiện hiệu quả kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025; kế hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình, kế hoạch phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050... Triển khai phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai; phương án phân bổ sử dụng không gian biển, phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên ngay sau khi Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

- Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế; triển khai các chương trình, kế hoạch công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nghiên cứu, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược trong một số ngành, lĩnh vực công nghiệp ưu tiên, phát triển xanh, bền vững. Chủ động thực hiện và hướng dẫn công tác phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường nội địa phù hợp với các cam kết quốc tế và yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Thực hiện tốt việc cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường, thông tin số về quan trắc và phân tích dữ liệu môi trường nước, không khí; xây dựng bản đồ số và ứng dụng thông minh trong quản lý, giám sát hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, bản đồ dự báo khu vực ngập lụt; thông tin quản lý, hỗ trợ thu gom rác thải.

***2.10. Phát huy giá trị văn hóa, bản lĩnh, trí tuệ con người Thái Bình, xây dựng đội ngũ công nhân lao động hiện đại, lớn mạnh; đội ngũ trí thức và doanh nhân xung kích, đi đầu trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo đảm tốt an sinh xã hội***

- Quán triệt sâu sắc và thực hiện hiệu quả chủ trương của Đảng về giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả các ngành công nghiệp văn hoá và dịch vụ văn hoá gắn với phát triển du lịch; hình thành môi trường văn hoá số. Tiếp tục quan tâm đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; thực hiện chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, thể thao. Đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá; gắn phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá truyền thống và xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng đội ngũ công nhân lao động tỉnh Thái Bình đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tập trung ưu tiên đầu tư thích đáng, tạo điều kiện thuận lợi phát triển đội ngũ công nhân lao động cả về số lượng và chất lượng, có bản lĩnh chính trị, trình độ học

vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong tình hình mới. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nhà ở và phúc lợi xã hội cho công nhân; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đưa người lao động tại tỉnh đi làm việc ở nước ngoài. Đẩy mạnh trí thức hoá công nhân thông qua đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số cho công nhân.

- Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức và phát huy vai trò đặc biệt quan trọng của đội ngũ trí thức và doanh nhân thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong tình hình mới. Phát triển đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân, đào tạo doanh nhân, xây dựng văn hoá kinh doanh tiên tiến, giàu bản sắc và hội nhập quốc tế.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản; khuyến khích và có chính sách ưu đãi phát triển đa dạng các mô hình sản xuất và dịch vụ có sự tham gia của các hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn.

- Triển khai trên không gian mạng các sản phẩm văn hóa, lịch sử, hình ảnh đất và người Thái Bình thời kỳ hội nhập để xây dựng cơ sở dữ liệu số và phát triển ứng dụng giải pháp công nghệ thực tế ảo, trí tuệ nhân tạo, công nghệ 3D, 4D số hoá các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, sản phẩm dịch vụ, du lịch, hiện vật, bảo vật bảo tàng.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tham mưu giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động này; chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh tuyên truyền, phản ánh tình hình, kết quả, nhất là những mô hình mới, cách làm sáng tạo, hiệu quả trong thực hiện Nghị quyết ở các địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, các ban, ngành chức năng của tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động này phù hợp với điều kiện, tình hình của từng địa phương, đơn vị; lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện tại các địa phương, đơn vị cấp dưới; định kỳ đánh giá, sơ kết rút kinh nghiệm và đề ra biện pháp, giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo.

3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo việc thể chế hóa các chủ trương của cấp uỷ tỉnh, quyết định việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định, cơ chế chính sách của tỉnh theo thẩm quyền theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động này; đồng thời có kế hoạch tổ chức giám sát việc thực hiện.

4. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động này. Chỉ đạo rà soát để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ, quy hoạch, kế hoạch của tỉnh, các địa phương, ngành có liên quan; đề xuất hoặc quyết định theo thẩm quyền việc

sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định, cơ chế chính sách của tỉnh để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình hành động. Ưu tiên bố trí đủ nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, trong đó xác định rõ các nội dung trọng tâm và lộ trình thực hiện phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tế địa phương.

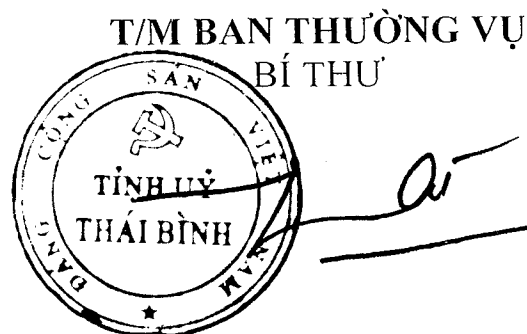
5. Ban Dân vận Tỉnh ủy, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Ban Thường vụ Đoàn Thanh niên tỉnh xây dựng kế hoạch và chỉ đạo, hướng dẫn tuyên truyền, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động này; phát huy vai trò phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng cơ chế, chính sách đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá tại địa phương.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy xây dựng nội dung kiểm tra, giám sát việc tổ chức quán triệt, thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW vào chương trình kiểm tra, giám sát và chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban kiểm tra các cấp đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên sai phạm trong thi hành công vụ.

Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các ban, ngành liên quan theo dõi việc thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng } (để báo cáo)
- Ban Kinh tế Trung ương }
- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.



**Ngô Đông Hải**